TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS - ST
Ngày: 28/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Trang.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Phong.
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.
- ***Thư ký phiên tòa:*** **Ông Nguyễn Mậu Tuân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Đức Bùi** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2019/HSST ngày 25/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Tuấn A; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 20/12/1999; Tại tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh H; Nơi ở trước khi phạm tội: Không xác định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam: Con ông: Trần Văn Q, sinh năm 1977, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1982, (không rõ nơi cư trú); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/11/2018 đến nay. (Có mặt).

- Bị hại: Đỗ Văn N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện E, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bùi Văn Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

2/ Trần Công M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Tuấn A, sinh ngày 20/12/1999, hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện M, tỉnh H, tuy nhiên A thường sống lang thang không có chỗ ở nhất định. Ngày 19/11/2018, A đến xin vào làm thợ đục tượng cho anh Bùi Văn Đ, trú tại thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đ. Ở nhà anh Đ còn có anh Đỗ Văn N, trú tại thôn 1, xã X, huyện E, tỉnh Đ, cũng làm thợ đục tượng cho anh Đ, quá trình làm thì anh Đ cho ăn ở tại nhà anh Đ.

Vào khoảng 05 giờ 00 ngày 20/11/2018, khi Trần Tuấn A thức dậy thấy điện thoại Iphone 6 của anh Đỗ Văn N đang sạc pin trên đầu giường, còn anh N thì đang

ngủ say, A lén rút dây sạc và trộm cắp điện thoại của anh N, sau khi lấy điện thoại A đi nhờ xe của người đi đường đến thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ mục đích để tìm nơi tiêu thụ điện thoại. A cầm điện thoại trộm cắp được đến tiệm cầm đồ Hồng V, do chị Vũ Thị Hồng V làm chủ, thuộc khu phố 2A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ bán, chị V kiểm tra thấy không mở được mật khẩu icloud nên không mua. A tiếp tục mang điện thoại trộm cắp được đến tiệm cầm đồ Công M, do anh Trần Công M làm chủ, tại TDP3, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ bán. Tại đây A nói dối là điện thoại của mình, anh M hỏi tài khoản và mật khẩu icloud thì A nói dối anh M tài khoản là *trantuananh2012@icloud.com*, mật khẩu là *Bilac1998*, anh M tin tưởng không kiểm tra lại mà đồng ý mua với giá là 2.500.000, số tiền này Anh đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến chiều ngày 21/11/2018, anh N phát hiện thấy mất điện thoại nên cùng một số người đi tìm thì thấy A tại thị trấn E nên đã giữ lại rồi báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đến làm việc. Cơ quan điều tra đã đưa A đến tiệm cầm đồ của anh M và thu giữ được chiếc điện thoại trên.

Kết luận định giá số 72/KL-HĐĐGTS ngày 26/11/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Năng, kết luận: 01 điện thoại Iphone 6, có vỏ phần lưng màu vàng, loại 16Gb, có giá trị 2.800.000 đồng

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, số imei: 356959063819251.

Cáo trạng số 10/KSĐT-HS ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo Trần Tuấn A tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề xuất:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS tuyên phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 09 đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, số imei: 356959063819251 cho anh Đỗ Văn N là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tuấn A phải trả lại cho anh Nguyễn Công M số tiền 2.500.000 đồng và buộc bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho bị hại sữa chữa điện thoại.

Đối với hành vi của anh Trần Công M khi mua điện thoại Iphone 6 anh M không biết điện thoại là do Trần Tuấn A trộm cắp được, nên hành vi không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo Trần Tuấn A đã lén lút, bí mật trộm cắp Iphone 6 của anh Đỗ Văn N bán lấy số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), để tiêu xài cá nhân là phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự qui định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến trật tự công công. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi nên ngày 20/11/2018 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động Iphone 6 trị giá 2.800.000 đồng của anh Đỗ Văn N bán lấy tiền tiêu xài. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Bị cáo Trần Tuấn A có nhân thân xấu, năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 111/2016/HSST ngày 18/7/2016, đã chấp hành xong.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, gây thiệt hại không lớn, tài sản hiện cũng đã trả lại cho chủ sở hữu. Vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại h, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra truy tố, bị hại Đỗ Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng tiền sửa chữa khôi phục lại icloud điện thoại. Anh Trần Công M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.500.000 đồng mà A đã chiếm đoạt. HĐXX xét thấy việc yêu cầu của anh M là chính đáng nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho anh N số tiền 2.000.000 đồng để anh N sữa chữa điện thoại nên cần buộc bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng cho anh N.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 16/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, số imei: 356959063819251 cho anh Đỗ Văn N là chủ sở hữu hợp pháp do đó HĐXX chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Năng trả lại tài sản cho anh N.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam bị cáo, ngày 21/11/2018.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS buộc bị cáo Trần Tuấn Anh phải trả lại cho anh Trần Công M số tiền 2.500.000 đồng và buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Văn N số tiền 2.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thực thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Năng đã trả lại 01 điện thoại di động I Phone 6 cho anh Đỗ Văn N là chủ sở hữu hợp pháp.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Tuấn A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Công an huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPCQ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang